Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6501.00.00

Mã HS	6501.00.00
Mô tả hàng hóa	Các loại thân mũ hình nón, hình chuông bằng phớt (nỉ, dạ), chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành; thân mũ chóp bằng và thân mũ hình trụ (kể cả thân mũ hình trụ đa giác), bằng phớt (nỉ, dạ)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 07:00:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/65010000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10061
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10061
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10061
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9575
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9526
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9526
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9526
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9526
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9526
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9526
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9578
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9578

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9578
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9578
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9578
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9578
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9579
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9579
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9579
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9579
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9579
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9579
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9580
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9532
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9538
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9538
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9538
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9538
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9538
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9538
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9563
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9563
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9563
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9563
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9563
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9563
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9610
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9610

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9610
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9610
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9610
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9610
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9589
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9589
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9589
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9589
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9589
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9589
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9601
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9601
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9601
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9601
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9601
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9601
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D9612
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E9612
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F9612
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9612
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9612
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9612
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D9611
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E9611
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F9611
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9611
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9611
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9558
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9558
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9558
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9558
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9558
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9558
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9558
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9595
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9595
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9595
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9595
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9595
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9595
RCEP B	2022	2022	0	B!D9595
RCEP B	2023	2023	0	B!E9595
RCEP B	2024	2024	0	B!F9595
RCEP B	2025	2025	0	B!G9595
RCEP B	2026	2026	0	B!H9595
RCEP B	2027	2027	0	B!I9595
RCEP C	2022	2022	0	C!D9595
RCEP C	2023	2023	0	C!E9595
RCEP C	2024	2024	0	C!F9595
RCEP C	2025	2025	0	C!G9595
RCEP C	2026	2026	0	C!H9595

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9595
RCEP D	2022	2022	0	D!D9594
RCEP D	2023	2023	0	D!E9594
RCEP D	2024	2024	0	D!F9594
RCEP D	2025	2025	0	D!G9594
RCEP D	2026	2026	0	D!H9594
RCEP D	2027	2027	0	D!I9594
RCEP E	2022	2022	0	E!D9598
RCEP E	2023	2023	0	E!E9598
RCEP E	2024	2024	0	E!F9598
RCEP E	2025	2025	0	E!G9598
RCEP E	2026	2026	0	E!H9598
RCEP E	2027	2027	0	E!I9598
RCEP F	2022	2022	0	F!D9595
RCEP F	2023	2023	0	F!E9595
RCEP F	2024	2024	0	F!F9595
RCEP F	2025	2025	0	F!G9595
RCEP F	2026	2026	0	F!H9595
RCEP F	2027	2027	0	F!I9595
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F8885
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G8885
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H8885
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I8885

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6501.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 6501.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10061), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.